

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/DS-ST

Ngày: 07-8-2019

V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU,
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Xuân Miện
2. Ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Khuất Cao Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 13/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2019, về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần N;

Địa chỉ trụ sở: Phường T, quận H, Tp. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T - Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Văn T - Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần N Chi nhánh V.

(Theo văn bản ủy quyền số 290/UQ-VCB-PC ngày 18-6-2018 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Thương mại Cổ phần N).

Ông Đoàn Văn T ủy quyền lại cho bà Vũ Thị Mỹ D - Phó Trưởng phòng Dịch vụ khách hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần N Chi nhánh V (Có mặt).

(Theo văn bản ủy quyền số 966/UQ-VT-HCNS ngày 29-10-2018).

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Tường L, sinh năm 1972;

Hộ khẩu thường trú: Phường T, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Địa chỉ: Hiện đang đi cai nghiện tại cơ sở tư vấn và điều trị nghiện ma túy, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP N (gọi tắt là Ngân hàng N) trình bày:

Ngày 21-4-2014, Ngân hàng Thương mại Cổ phần N Chi nhánh V đã ký kết hợp đồng thẻ tín dụng số 0800969 với ông Bùi Tường L. Theo Hợp đồng, Ngân hàng N đã cấp cho ông L hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), lãi suất 18%/năm, mục đích vay tiêu dùng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng N. Tính đến ngày 12-4-2019 ông L còn nợ Ngân hàng N tổng số tiền là 27.201.750 đồng (Hai mươi bảy triệu, hai trăm lẻ một ngàn, bảy trăm năm mươi đồng), trong đó tiền gốc 26.560.085 đồng (Hai mươi sáu triệu, năm trăm sáu mươi ngàn, không trăm tám mươi lăm đồng), tiền lãi trong hạn 13.098 đồng (Mười ba ngàn, không trăm chín mươi tám đồng), tiền lãi quá hạn 528.567 đồng (Năm trăm hai mươi tám ngàn, năm trăm sáu mươi bảy đồng), phí thường niên là 100.000 đồng (Một trăm ngàn đồng).

Nay tại phiên tòa, bà Vũ Thị Mỹ D đại diện Ngân hàng N yêu cầu cụ thể như sau: Buộc ông Bùi Tường L thanh toán cho Ngân hàng N toàn bộ số dư nợ của hợp đồng thẻ tín dụng số 0800969 gồm: Tiền gốc 26.560.085 đồng (Hai mươi sáu triệu, năm trăm sáu mươi ngàn, không trăm tám mươi lăm đồng), tiền lãi trong hạn 13.098 đồng (Mười ba ngàn, không trăm chín mươi tám đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 26.573.183 đồng (Hai mươi sáu triệu, năm trăm bảy mươi ba ngàn, một trăm tám mươi ba đồng). Đối với số tiền lãi quá hạn 528.567 đồng (Năm trăm hai mươi tám ngàn, năm trăm sáu mươi bảy đồng), phí thường niên là 100.000 đồng (Một trăm ngàn đồng) và số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 13-4-2019 cho đến khi trả hết nợ thì Ngân hàng N không yêu cầu ông L phải thanh toán nữa.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Bùi Tường L trình bày: Ông xác nhận ngày 21-4-2014 có ký kết hợp đồng thẻ tín dụng số 0800969 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần N Chi nhánh V. Theo hợp đồng Ngân hàng N đã cấp cho ông hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng, lãi suất 18%/năm, mục đích vay tiêu dùng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng N. Tính đến ngày 12-4-2019 ông còn nợ Ngân hàng N tổng số tiền là

27.201.750 đồng, trong đó tiền gốc 26.560.085 đồng, tiền lãi trong hạn 13.098 đồng, tiền lãi quá hạn 528.567 đồng, phí thường niên là 100.000đồng.

Do hiện nay ông đang đi cai nghiện tại cơ sở tư vấn và điều trị nghiện ma túy, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu nên ông không có thu nhập để thanh toán khoản nợ trên cho Ngân hàng N. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật .

Tại phiên tòa: Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi quá hạn 528.567 đồng và phí thường niên là 100.000đồng. Ngoài ra, đối với số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 13-4-2019 cho đến khi trả hết nợ thì nguyên đơn không yêu cầu ông L phải thanh toán nữa, những yêu cầu khởi kiện còn lại nguyên đơn vẫn giữ nguyên.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và cá nhân ông Bùi Tường L, mục đích vay tiền là để tiêu dùng nên là tranh chấp về dân sự, bị đơn cư trú tại thành phố Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Bùi Tường L vắng mặt nhưng đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L là phù hợp quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Đối với số tiền nợ gốc:

Lời khai của đại diện nguyên đơn về việc cho ông L vay số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng hoàn toàn phù hợp với chứng cứ nguyên đơn cung cấp là hợp đồng thẻ tín dụng số 0800969, phù hợp với lời khai xác nhận của bị đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Việc nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 30.000.000

đồng là có thật, ông L đã nhận đủ số tiền này nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng nội dung hợp đồng tín dụng đã ký. Cụ thể, tính đến ngày 12-4-2019, ông L còn nợ Ngân hàng N số tiền gốc 26.560.085 đồng. Vì vậy, việc Ngân hàng N yêu cầu ông L trả số tiền nợ gốc 26.560.085 đồng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[2.2]. Đối với số tiền lãi trong hạn: Ông L đã vi phạm các nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký nên phải chịu lãi suất. Tính đến ngày 12-4-2019 số tiền lãi trong hạn 13.098 đồng, ông L cũng thừa nhận khoản tiền lãi này nhưng chưa thanh toán cho Ngân hàng N. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng N về việc buộc ông L trả số tiền lãi nêu trên.

[2.3]. Đối với số tiền lãi quá hạn và phí thường niên: Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền lãi quá hạn 528.567 đồng và phí thường niên là 100.000 đồng. Xét việc rút yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này.

[2.4]. Đối với số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 13-4-2019 cho đến khi trả hết nợ thì nguyên đơn không yêu cầu ông L phải thanh toán nữa nên HĐXX không xem xét.

[2.5]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện của Viện kiểm sát, buộc ông L phải thanh toán cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc 26.560.085 đồng và lãi trong hạn 13.098 đồng, tổng cộng là 26.573.183 đồng.

[3]. Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Hoàn tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 4 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần N về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” đối với bị đơn ông Bùi Tường L.

1. Buộc ông Bùi Tường L phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N tổng số tiền là 26.573.183 đồng, trong đó tiền gốc là 26.560.085 đồng, tiền lãi trong hạn là 13.098 đồng.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần N về việc buộc ông Bùi Tường L thanh toán số tiền lãi quá hạn là 528.567 đồng và phí thường niên là 100.000 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Bùi Tường L phải nộp 1.328.659 đồng (một triệu, ba trăm hai mươi tám ngàn, sáu trăm năm mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 680.000 đồng (sáu trăm tám mươi ngàn đồng) cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010304 ngày 03-01-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Vũng Tàu;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chi cục THADS Tp. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Dương Thị Hương